

Bản án số: 18/2017/HSST
Ngày: 10/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thắng
2. Bà Nông Thị Ái Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Thích.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2017/HSST ngày 13 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Dương Hữu Đ, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1994 tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, nơi cư trú tại thôn H, xã H, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; trình độ văn hóa 6/12; nghề nghiệp không; dân tộc tày; con ông Dương Hữu T và bà Dương Thị C; vợ, con chưa có.

Tiền án: Không. Tiền sự: Có 01 tiền sự (Tháng 3 năm 2017 bị Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản). Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 15 tháng 5 năm 2017 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Ông Hà Văn B, sinh năm 1963. Có mặt.

Địa chỉ: N2, xã Hoàng Văn T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: RI, xã S, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Anh Hà Sơn T, sinh năm 1976. Vắng mặt.
 - Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968. Vắng mặt.
- Đều có địa chỉ: Tiểu khu T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn
- Ông Dương Hữu T, sinh năm 1969. Có mặt.
 - Chị Dương Thị Đ, sinh năm 1991. Có mặt.
- Đều có địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 04/5/2017, bị cáo Dương Hữu Đ đi sửa xe máy biển kiểm soát: 29L1-8503 của gia đình đến quán sửa xe máy của anh Nguyễn Văn Q. Khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo mượn xe mô tô của anh Nguyễn Văn Q biển kiểm soát: 98H1-7153, nhãn hiệu Dream, màu nâu, điều khiển xe mô tô ra quốc lộ 1B theo hướng đi huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn với mục đích xem có nhà dân nào sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Bị cáo đến trước cửa nhà ông Hà Văn B, do không có ai ở nhà, nên vào trong tìm thấy và lấy chìa khóa để ở nóc tủ mở tủ và lấy đi một phong bì màu đỏ dưới đáy tủ có tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Sau khi lấy được phong bì, bị cáo ra ngoài lấy xe thì gặp Hà Văn L là con của ông Hà Văn B nhưng Hà Văn L không phát hiện bị mất trộm tài sản. Sau đó bị cáo mang số tiền trên về nhà cất ở hàng gạch ba banh ở cạnh nhà, còn phong bì bị cáo mang ra đốt. Số tiền trộm cắp được, bị cáo trả tiền sửa xe cho anh Nguyễn Văn Q 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng), trả nợ cho anh Hà Sơn T số tiền 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), trả nợ cho chị Nguyễn Thị N 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng), đưa cho bố đẻ là Dương Hữu T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), cho chị gái Dương Thị Đ đi chữa bệnh 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), chị Dương Thị Đ đã sử dụng và không giao nộp được cho cơ quan điều tra. Tổng số tiền bị cáo đã trả nợ và đưa cho bố, chị gái hết 4.650.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền còn lại bị cáo không nhớ cụ thể là bao nhiêu và đã chi tiêu cá nhân hết. Trong quá trình điều tra ông Dương Hữu T, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Q đã giao nộp số tiền bị cáo trộm cắp được cho cơ quan điều tra số tiền là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng)

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên, bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận lời khai của bị cáo là đúng sự thật. Bị hại yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 6.000.000đ mà bị cáo trộm cắp, anh Nguyễn Văn Q yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền công sửa xe 700.000đ. Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền mà chị đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Chị Dương Thị Đ, anh Nguyễn Văn Q, anh Hà Sơn T và ông Dương Hữu T đều không biết đó là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng số 17/KSĐT, ngày 13/7/2017 truy tố đối với Dương Hữu Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và đưa ra các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, tranh luận và đề nghị: Bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p, h khoản 1 Điều 46, Điều 33 và Điều 45 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Hữu Đ từ 6 tháng đến 9 tháng tù giam. Trả lại số tiền 1.700.000đ cho bị hại, buộc bị cáo phải hoàn trả tiếp cho bị hại số tiền không thu hồi được là 3.300.000đ, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo trả lại số tiền sửa xe cho anh Nguyễn Văn Q, buộc chị Đ trả cho người bị hại số tiền 1.000.000đ. Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định

Lời nói sau cùng: Bị cáo biết việc làm của bản thân là sai, hối hận về việc làm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức án thấp nhất.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 110, 112, 113 của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, qua xét hỏi và tranh luận bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi đã trộm cắp số tiền 6.000.000đ của ông Hà Văn B đem đi trả nợ, cho và tiêu sài hết. Bị cáo có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực hành vi và thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản của người khác, gián tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về trật tự an toàn xã hội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vật chứng vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận bị cáo Dương Hữu Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự như Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn về tội danh và hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, không có chứng cứ ngoại phạm đối với bị cáo.

Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Hành vi mà bị cáo thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, số tiền trộm cắp là 6.000.000đ làm giảm lòng tin giữa người với người, tạo ra sự nghi kỵ lẫn nhau, làm mất an

ninh trật tự trong cộng đồng dân cư, cần phải được lên án và chịu sự trừng phạt của pháp luật.

Xét tình tiết tăng nặng: Ngoài tình tiết tăng nặng định khung, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào khác, nhưng về nhân thân, bị cáo có một tiền sự, bị Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước. Tuy nhiên, cũng cần phải phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và khả năng cải tạo bị hạn chế của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Về hình phạt bổ sung, qua xác minh, bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với chị Nguyễn Thị N, không biết số tiền do bị cáo phạm tội mà có và không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 700.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền 700.000đ anh Q đã nộp cơ quan điều tra. Tại phiên tòa giữa bị cáo và anh Nguyễn Văn Q thỏa thuận, bị cáo có trách nhiệm hoàn trả số tiền sửa xe máy là 700.000đ, đây là sự thỏa thuận hợp pháp nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Đối với số tiền bị cáo trả nợ anh Hà Sơn T và anh T không biết đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có, đã tiêu dùng hết không thu hồi được, cần buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền đó cho bị hại. Đối với số tiền 1.000.000đ bị cáo cho chị Dương Thị Đ, đây là quan hệ cho tặng nên cần phải buộc chị Dương Thị Đ phải hoàn trả cho người bị hại. Đối với số tiền 1.700.000đ do bị cáo trộm cắp đã thu hồi được cần trả cho bị hại. Do vậy, buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền 3.300.000đ cho người bị hại.

Về án phí: Bị cáo phạm tội nên bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và án phí dân sự đối với nghĩa vụ về tài sản không có giá ngạch mà bị cáo chưa thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Hữu Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p, h khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 45 của Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Dương Hữu Đ 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2017.

2. Về phần dân sự: Áp dụng Điều 357 và Điều 604 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Dương Hữu Đ phải hoàn trả số tiền 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) và chị Dương Thị Đ phải hoàn trả số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho ông Hà Văn B.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Buộc bị cáo có trách nhiệm và nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Hà Văn B, anh Nguyễn Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Dương Hữu Đ và chị Dương Thị Đ không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi theo Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Hà Văn B số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Số tiền này hiện đang nằm trong tài khoản tại kho bạc Nhà nước huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn theo Ủy nhiệm chi lập ngày 18/7/2017 giữa đơn vị trả tiền: Công an huyện Bình Gia, đơn vị nhận tiền: Thi hành án dân sự huyện Bình Gia.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Dương Hữu Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự không có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được tính theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Sơn T và chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia;
- Công an huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- Bị cáo (Qua nhà trại giam, CA huyện B);
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu + Tổ HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Bấy